

Số: 458 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 (Từ 16h00 ngày 31/3/2022 đến 16h00 ngày 01/4/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 488,6 triệu ca, trên 6,1 triệu ca tử vong.

Tổ chức Y tế thế giới (WHO) gần đây công bố một số kết quả nghiên cứu sơ bộ về một biến thể mới XE của virus SARS-CoV-2 với bằng chứng ban đầu cho thấy khả năng lây lan nhanh hơn cả biến thể Omicron. Thời gian qua, giới khoa học đã theo dõi 3 biến thể mới gồm XD, XF và XE. Trong đó, 2 biến thể XD và XF là những dạng kết hợp của biến thể Delta và BA.1, hay gọi là Deltacron. Hai biến thể này đã được nhắc tới từ vài tháng nay nhưng chưa thực sự gây ra những thay đổi đáng kể trong diễn biến dịch bệnh thế giới. Còn lại, biến thể XE là một dạng biến thể tái tổ hợp-kết hợp của chính các biến thể BA.1 và BA.2 của Omicron. Biến thể tái tổ hợp xuất hiện khi một người nhiễm cùng lúc 2 hoặc 3 biến thể của virus, tạo điều kiện cho các vật chất di truyền của các biến thể pha trộn trong cơ thể người bệnh. Đây không phải điều bất thường vì đã từng xảy ra một số lần trong thời gian đại dịch COVID-19 hoành hành.

Theo các kết quả nghiên cứu sơ bộ do WHO tổng hợp, XE được phát hiện lần đầu ở Anh vào ngày 19/1 và hơn 600 mẫu phân tích chuỗi gene được xác nhận là biến thể XE. Những ước tính từ những ngày đầu cho thấy XE có tốc độ tăng trưởng lây nhiễm trong cộng đồng cao hơn BA.2 khoảng 10%. Tuy nhiên, điều này cần thêm thời gian và nghiên cứu để khẳng định. Ngoài ra, vẫn còn quá ít dữ liệu cấp khu vực để có thể kết luận chính xác hơn về biến thể này. Hiện XE vẫn chiếm phần rất nhỏ trong tổng số ca mắc bệnh trên toàn thế giới nhưng nếu thực sự tốc độ tăng trưởng số ca mắc do nhiễm biến thể này cao hơn 10% so với BA.2 thì khả năng lây lan của XE sẽ cao hơn tới 43% so với Omicron. Dù vậy, những lo ngại rằng BA.2, biến thể chủ đạo hiện nay, có thể gây ra những làn sóng lây nhiễm mới vẫn chưa có dấu hiệu trở thành hiện thực kể cả khi nhiều nước đã dỡ bỏ các biện pháp hạn chế. Giới khoa học vẫn hy vọng xu hướng dịch bệnh do XE gây ra cũng sẽ diễn biến tương tự.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 01/4/2022, cả nước ghi nhận 9.650.663 ca mắc, trong đó 9.644.499 ca trong nước. Đến nay đã có 7.606.476 người khỏi bệnh, 42.493 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 9.647.811 ca, trong đó có 9.642.929 ca trong nước, 7.603.659 người đã khỏi bệnh (78,8%), 42.458 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày

1. Số ca mắc mới trong ngày

- Ghi nhận 72.556 ca dương tính, trong đó có 72.555 ca ghi nhận trong nước tại 62 tỉnh thành phố: Hà Nội (7.734), Nghệ An (3.226), Đắk Lắk (3.099), Phú Thọ (3.087), Yên Bái (2.998), Lào Cai (2.804), Bắc Giang (2.705), Quảng Ninh (2.450), Hà Giang (2.294), Vĩnh Phúc (2.202), Quảng Bình (2.030), Thái Bình (1.922), Lạng Sơn (1.890), Bắc Kạn (1.770), Tuyên Quang (1.588), Sơn La (1.569), Bắc Ninh (1.375), Vĩnh Long (1.331), Cao Bằng (1.273), Bình Định (1.226), Hải Dương (1.215), Hà Nam (1.188), Hưng Yên (1.181), Thái Nguyên (1.152), Cà Mau (1.135), Hòa Bình (1.096), Lâm Đồng (1.088), Quảng Trị (1.084), Tây Ninh (1.030), Bình Dương (982), Ninh Bình (951), Lai Châu (937), Bến Tre (919), Điện Biên (854), Hà Tĩnh (737), Đà Nẵng (734), Hồ Chí Minh (725), Bình Phước (667), Nam Định (616), Quảng Ngãi (568), Thừa Thiên Huế (555), Bà Rịa - Vũng Tàu (524), Đắk Nông (494), Thanh Hóa (482), Trà Vinh (419), Phú Yên (394), Hải Phòng (378), Khánh Hòa (323), Bình Thuận (314), Quảng Nam (263), An Giang (170), Bạc Liêu (156), Kon Tum (143), Kiên Giang (125), Long An (120), Đồng Nai (69), Sóc Trăng (59), Cần Thơ (48), Tiền Giang (27), Hậu Giang (25), Ninh Thuận (23), Đồng Tháp (12) và 1 ca nhập cảnh ghi nhận tại An Giang (1).

- Có 01 ca nhập cảnh ghi nhận tại An Giang (1).

- Trong ngày, ghi nhận bổ sung 13.498 ca mắc tại Vĩnh Phúc sau khi rà soát, bổ sung đầy đủ thông tin.

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Vĩnh Phúc (+163), Bình Dương (+155), Đắk Nông (+68).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Hải Dương (-1.649), Hưng Yên (-603), Cao Bằng (-357).

2. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 7.603.659 người đã khỏi bệnh (78,8%), tăng 87.463 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 2.001.694 trường hợp, trong đó có 2.541 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 1.704 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 213; (3) Thở máy không xâm lấn: 59; (4) Thở máy xâm lấn: 209.

- Trong ngày 31/3, ghi nhận 39 trường hợp tử vong (giảm 2 ca so với ngày trước đó), tại: Bến Tre (5), Bình Thuận (4), Cao Bằng (4 ca trong 2 ngày), Phú Yên (4), Bạc Liêu (2), Đắk Lắk (2), Lâm Đồng (2), Quảng Ninh (2), Sóc Trăng (2), Vĩnh Long (2), Bà Rịa - Vũng Tàu (1), Cà Mau (1), Gia Lai (1), Hà Nam (1), Hà Tĩnh (1), Hậu Giang (1), Lạng Sơn (1), Quảng Ngãi (1), Tây Ninh (1), TP. Hồ Chí Minh (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Xây dựng dự thảo Hướng dẫn phòng, chống dịch COVID-19 phục vụ Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 (SEA Games 31) năm 2022 tại Việt Nam.

- Xây dựng dự thảo Công văn của Bộ Y tế gửi Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế về việc điều chỉnh định nghĩa ca bệnh COVID-19 và biện pháp y tế đối với ca bệnh COVID-19 và người tiếp xúc gần.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 31/3/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 44.211.875 mẫu cho 88.160.230 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 38.478.711 mẫu tương đương 84.412.291 lượt người, tăng 97.222 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.990.137 mẫu gộp cho 49.453.673 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận đến ngày 01/4/2022 là 230.910.514 triệu liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	31.436.236	33.786.840	13.572.980	19.827.460	386.400	65.223.076
2	Pfizer	50.999.130	41.590.950	36.998.910	4.592.040	0	92.590.080
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	107.435.366	123.475.148	64.669.450	31.942.300	26.863.398	230.910.514
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						205.230.544
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin chưa phân bổ						25.179.970

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 230,9 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 205,2 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 25,2 triệu liều chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin, ngoài ra một lượng lớn vắc xin Pfizer đang chờ được cung ứng nước muối sinh lý pha tiêm đi kèm.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 31/3/2022

Cả nước đã tiêm 206.338.189 liều (trong ngày tiêm được 237.325 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 100,5% số vắc xin phân bổ 135 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng ¹	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	99,7%	49,0%**

¹ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

Trẻ em (12-17 tuổi)	99,8%	95,0%	-
---------------------	-------	-------	---

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

(**): Đến ngày 31/3/2022, ước tính có khoảng 60% đối tượng từ 18 tuổi trở lên đến lịch tiêm mũi 3. Như vậy hiện tại đã tiêm mũi 3 cho khoảng 83% số đối tượng từ 18 tuổi trở lên đến lịch tiêm; số còn lại chưa tiêm mũi 3 vì một số lý do sau:

- Số lượng người mắc COVID-19 tăng cao, trùng với thời điểm cần tiêm mũi 3, do đó có sự trì hoãn tiêm chủng.

- Một bộ phận người dân đã tiêm 2 liều vắc xin sau khi mắc COVID-19 và bình phục có xu hướng không tiêm tiếp mũi 3 vì cho rằng đã có miễn dịch tự nhiên sau khi mắc bệnh.

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 189.148.705 liều:

+ Mũi 1: 71.244.021 liều

+ Mũi 2: 69.556.690 liều ; Mũi bổ sung: 14.915.208 liều.

+ Mũi 3: 33.432.786 liều

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.189.484 liều:

+ Mũi 1: 8.805.760 liều

+ Mũi 2: 8.383.724 liều.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Số ca mắc cộng đồng trung bình 68.000 ca/ngày và tử vong trung bình 50 ca/ngày trong 7 ngày qua. Số mắc mới cao chủ yếu do biến thể BA.2 của biến chủng Omicron làm lây lan nhanh hơn, tuy nhiên ít tăng nặng hơn. Do tỷ lệ bao phủ vắc xin cao trên phạm vi toàn quốc, đặc biệt là đã có sự chăm sóc đối tượng nguy cơ cao nên tỷ lệ chết/mắc trên phạm vi toàn quốc giảm sâu. Người khỏi bệnh vẫn có khả năng tái nhiễm, do vậy cần tiếp tục hoàn thành tiêm vắc xin mũi 3; triển khai các biện pháp ưu tiên quản lý, bảo vệ nhóm đối tượng nguy cơ cao; tăng cường năng lực cách ly, chăm sóc, điều trị quản lý người mắc COVID-19 tại nhà; nhất là thực hiện nghiêm thông điệp “5K + vắc xin + thuốc điều trị + công nghệ + đề cao ý thức người dân và các biện pháp khác” là rất quan trọng trong việc kiểm soát ca lây nhiễm, hạn chế bệnh tăng nặng, tử vong.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Triển khai bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên. Trước mắt tiêm vắc xin phòng COVID-19 miễn phí cho người dân; sau khi tiêm đủ liều bổ sung, từng bước nghiên cứu cơ chế tiêm vắc xin dịch vụ sau khi tiêm đủ 3 mũi

2. Nâng cao năng lực tư vấn, hỗ trợ điều trị COVID-19, dự phòng cơ sở thuốc kháng vi rút, thuốc hỗ trợ điều trị COVID-19, vật tư y tế cần thiết...tại các trạm y tế phường, xã, trạm y tế lưu động nhằm đáp ứng nhu cầu tự điều trị COVID-19 tại nhà của người dân và giảm tải cho các cơ sở y tế, bệnh viện tuyến trên. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tư vấn hỗ trợ người dân tự điều trị tại nhà”.

3. Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vì rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu. Phân bổ đủ thuốc kháng vi rút để phục vụ công tác điều trị người bệnh COVID-19. Khuyến khích thành lập các mô hình đội tình nguyện; huy động sự tham gia của các tổ chức tôn giáo, tình nguyện viên... để tổ chức triển khai hoạt động chăm sóc F0 dựa vào cộng đồng; về cơ bản chuyển điều trị tại cộng đồng.

4. Tăng cường đảm bảo an toàn phòng, chống dịch trong các khu công nghiệp, trường học; kiểm tra phòng, chống dịch tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhất là tại bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, sân bay, bến xe...

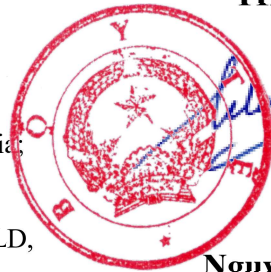
5. Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị khẩn trương nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

6. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm, hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP và Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022; linh hoạt tăng cấp độ phòng, chống dịch (từ cấp độ 3 lên cấp độ 4) ở một số khu vực có diễn biến dịch phức tạp để nhanh chóng kiểm soát tình hình, ngăn chặn hiệu quả lây nhiễm. Thực hiện hiệu quả nguyên tắc: 5K+ vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 31/3	Số mắc ngày 01/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 01/4	Số tử vong tích lũy đến 31/3
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		80.827	72.555	-8272	9.642.727	42.458
1	Hà Nội	8.054	7.734	-320	1.482.516	1.208
2	Hồ Chí Minh	924	725	-199	595.310	20.470
3	Nghệ An	3.399	3.226	-173	395.097	136
4	Bình Dương	827	982	155	377.548	3.449
5	Hải Dương	2.864	1.215	-1.649	345.273	109
6	Vĩnh Phúc	2039	2202	163	341.930	19
7	Bắc Ninh	1.653	1.375	-278	326.299	131
8	Bắc Giang	2688	2705	17	317.536	88
9	Quảng Ninh	2509	2450	-59	298.052	127
10	Nam Định	672	616	-56	286.197	147
11	Phú Thọ	3415	3087	-328	280.414	78
12	Hưng Yên	1784	1181	-603	227.040	5
13	Thái Bình	1966	1922	-44	207.312	21
14	Hòa Bình	1160	1096	-64	195.770	102
15	Thái Nguyên	1179	1152	-27	167.734	103
16	Lào Cai	2981	2804	-177	154.758	33
17	Cà Mau	1265	1135	-130	143.167	348
18	Lạng Sơn	2159	1890	-269	141.767	77
19	Đắc Lắc	3107	3099	-8	143.845	158
20	Sơn La	1813	1569	-244	138.779	
21	Thanh Hóa	535	482	-53	133.435	103
22	Tuyên Quang	1672	1588	-84	135.015	13
23	Bình Định	1437	1226	-211	130.798	272
24	Tây Ninh	1238	1030	-208	129.514	865
25	Hải Phòng	365	378	13	116.317	135
26	Khánh Hòa	386	323	-63	115.311	344
27	Bình Phước	766	667	-99	110.924	213
28	Yên Bái	3156	2998	-158	116.956	11
29	Đồng Nai	97	69	-28	106.118	1.827
30	Quảng Bình	2352	2030	-322	108.624	73
31	Hà Giang	2344	2294	-50	108.251	77
32	Đà Nẵng	736	734	-2	94.697	324
33	Ninh Bình	1046	951	-95	91.962	88
34	Bến Tre	876	919	43	90.869	447
35	Vĩnh Long	1642	1331	-311	91.916	802
36	Điện Biên	1164	854	-310	81.000	18
37	Lâm Đồng	1264	1088	-176	81.025	122
38	Cao Bằng	1630	1273	-357	81.624	48
39	Hà Nam	1258	1188	-70	74.619	60
40	Quảng Trị	1369	1084	-285	72.534	35
41	BRVT	688	524	-164	68.399	481
42	Lai Châu	1097	937	-160	65.041	
43	Trà Vinh	539	419	-120	63.414	280
44	Đồng Tháp	85	12	-73	49.883	982
45	Bình Thuận	341	314	-27	50.000	463

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 31/3	Số mắc ngày 01/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 01/4	Số tử vong tích lũy đến 31/3
46	Cần Thơ	101	48	-53	48.980	930
47	Gia Lai			0	48.456	99
48	Bắc Kạn	1917	1770	-147	53.753	20
49	Phú Yên	408	394	-14	48.544	125
50	Đắk Nông	426	494	68	48.608	44
51	Long An	125	120	-5	47.377	990
52	Bạc Liêu	166	156	-10	45.134	448
53	Quảng Nam	270	263	-7	43.892	132
54	T.T.Huế	589	555	-34	42.242	172
55	An Giang	178	170	-8	39.690	1.364
56	Quảng Ngãi	920	568	-352	40.932	120
57	Hà Tĩnh	757	737	-20	40.510	42
58	Kiên Giang	161	125	-36	38.427	975
59	Tiền Giang	5	27	22	36.129	1.220
60	Sóc Trăng	52	59	7	34.173	608
61	Kon Tum	179	143	-36	25.516	
62	Hậu Giang	12	25	13	17.341	220
63	Ninh Thuận	20	23	3	8.433	57
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	80.827	72.555	-8.272	9.642.929	42.458

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 31/3/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 135 đợt
1	Hà Nội	17.746.562	6.232.146	6.003.661	0	221.520	4.279.202	702.910	678.954	18.118.393	102,1%
2	Hải Phòng	4.421.396	1.696.526	1.619.633	0	559.479	344.028	173.514	174.432	4.567.612	103,3%
3	Thái Bình	3.160.320	1.161.694	1.198.264	98.615	292.044	463.019	153.953	147.025	3.514.614	111,2%
4	Nam Định	3.209.500	1.149.383	1.133.588	0	57.360	900.859	158.975	156.855	3.557.020	110,8%
5	Hà Nam	1.823.260	585.734	578.170	0	277.224	284.900	71.440	69.249	1.866.717	102,4%
6	Ninh Bình	1.741.280	675.426	668.271	0	235.215	315.978	82.255	79.446	2.056.591	118,1%
7	Thanh Hoá	7.735.680	2.205.107	2.145.276	290.250	422.017	1.478.648	283.977	281.834	7.107.109	91,9%
8	Bắc Giang	3.702.018	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.080.374	149.985	149.460	4.133.366	111,7%
9	Bắc Ninh	3.119.990	1.137.444	1.095.203	0	360.460	522.512	115.794	110.473	3.341.886	107,1%
10	Phú Thọ	2.482.660	1.003.167	1.000.799	0	287.369	414.578	130.499	126.587	2.962.999	119,3%
11	Vĩnh Phúc	2.302.560	795.389	774.326	0	242.994	402.159	117.004	113.134	2.445.006	106,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
12	Hải Duong	3.317.176	1.336.170	1.285.392	6.607	101.291	546.432	157.247	155.092	3.588.231	108,2%
13	Hưng Yên	2.457.762	822.811	798.818	0	307.914	358.790	110.591	110.075	2.508.999	102,1%
14	Thái Nguyên	2.407.650	915.135	888.549	12.792	208.258	306.860	110.476	108.180	2.550.250	105,9%
15	Bắc Cạn	600.140	220.411	218.296	0	13.983	110.291	25.554	24.650	613.185	102,2%
16	Quảng Ninh	3.281.368	1.013.444	987.870	0	21.625	900.410	124.328	120.979	3.168.656	96,6%
17	Hoà Bình	1.655.130	557.075	531.544	758	241.830	186.556	76.353	72.757	1.666.873	100,7%
18	Nghệ An	5.647.240	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	110,5%
19	Hà Tĩnh	2.270.650	804.869	740.576	0	271.975	187.855	114.027	112.309	2.231.611	98,3%
20	Lai Châu	785.810	257.163	247.139	529	108.498	101.503	54.422	48.497	817.751	104,1%
21	Lạng Sơn	1.741.530	511.428	502.749	0	0	430.750	66.528	62.859	1.574.314	90,4%
22	Tuyên Quang	1.425.200	493.480	491.025	0	40.926	324.037	70.237	67.026	1.486.731	104,3%
23	Hà Giang	1.732.720	490.448	477.833	529	196.406	229.659	89.181	85.970	1.570.026	90,6%
24	Cao Bằng	995.520	350.856	332.727	0	73.392	127.445	45.548	41.433	971.401	97,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
25	Yên Bái	1.640.754	518.416	509.215	0	265.401	214.696	80.156	76.132	1.664.016	101,4%
26	Lào Cai	1.539.820	467.534	457.276	0	257.276	148.942	81.594	76.165	1.488.787	96,7%
27	Sơn La	1.844.940	739.259	706.684	2.362	0	374.537	143.288	131.942	2.098.072	113,7%
28	Điện Biên	1.142.760	337.457	320.684	0	232.382	92.862	76.484	63.854	1.123.723	98,3%
Cộng miền Bắc		85.931.396	29.789.069	28.999.856	911.475	6.027.360	15.746.510	3.847.458	3.713.321	89.035.049	103,6%
29	Quảng Bình	1.562.332	538.489	523.077	0	172.162	190.995	80.728	74.087	1.579.538	101,1%
30	Quảng Trị	1.306.372	433.386	417.486	10.601	65.594	225.204	64.980	60.140	1.277.391	97,8%
31	TT- Huế	2.428.386	787.343	767.342	0	278.274	318.457	104.333	98.619	2.354.368	97,0%
32	Tp. Đà Nẵng	2.495.632	865.206	856.448	0	82.226	643.143	102.158	99.989	2.649.170	106,2%
33	Quảng Nam	3.189.860	1.083.188	1.042.754	36.681	400.561	312.442	132.605	130.337	3.138.568	98,4%
34	Quảng Ngãi	2.755.364	852.824	810.806	0	119.146	487.345	114.198	111.315	2.495.634	90,6%
35	Bình Định	2.974.270	1.050.018	1.016.791	53.940	361.166	367.712	141.434	139.301	3.130.362	105,2%
36	Phú Yên	1.732.454	626.695	599.328	508	78.475	277.822	85.722	81.605	1.750.155	101,0%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
37	Khánh Hòa	2.757.854	979.700	952.919	0	395.584	353.763	122.089	115.526	2.919.581	105,9%
38	Ninh Thuận	1.233.610	432.402	403.820	0	154.461	175.149	61.797	59.131	1.286.760	104,3%
39	Bình Thuận	2.720.780	915.237	887.896	7.207	271.797	181.648	132.154	128.046	2.523.985	92,8%
Cộng miền Trung		25.156.914	8.564.488	8.278.667	108.937	2.379.446	3.533.680	1.142.198	1.098.096	25.105.512	99,8%
40	Kon Tum	1.026.100	321.449	320.436	10.696	94.614	113.718	58.967	55.533	975.413	95,1%
41	Gia Lai	2.759.482	996.091	920.457	80.425	216.022	299.401	167.610	145.125	2.825.131	102,4%
42	Đắk Lắk	3.430.970	1.260.197	1.201.204	0	519.153	269.247	178.061	164.158	3.592.020	104,7%
43	Đắk Nông	1.288.580	403.263	399.600	0	211.841	138.766	68.070	65.742	1.287.282	99,9%
Cộng Tây Nguyên		8.505.132	2.981.000	2.841.697	91.121	1.041.630	821.132	472.708	430.558	8.679.846	102,1%
44	TP. HCM	20.329.820	7.395.910	6.683.375	9	680.537	4.239.878	729.034	684.523	20.413.266	100,4%
45	BR-VT	2.756.626	971.107	911.690	0	25.323	646.041	110.539	109.284	2.773.984	100,6%
46	Đồng Nai	6.663.800	2.722.412	2.360.465	0	174.972	640.107	284.677	274.559	6.457.192	96,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
47	Tiền Giang	3.821.466	1.325.387	1.279.856	131.231	105.658	812.007	156.914	158.132	3.969.185	103,9%
48	Long An	4.337.696	1.501.535	1.465.071	0	22.864	1.142.790	171.747	157.212	4.461.219	102,8%
49	Lâm Đồng	2.991.030	982.960	966.831	0	527.792	253.928	138.865	120.218	2.990.594	100,0%
50	Tây Ninh	2.606.794	948.905	895.833	0	32.471	507.711	109.066	100.641	2.594.627	99,5%
51	Cần Thơ	2.766.418	944.640	944.329	6.009	343.407	305.518	110.369	102.892	2.757.164	99,7%
52	Sóc Trăng	2.583.664	899.036	865.520	0	670.511	48.563	116.852	111.026	2.711.508	104,9%
53	An Giang	4.085.900	1.374.045	1.356.770	191.666	472.404	384.532	206.909	192.281	4.178.607	102,3%
54	Bến Tre	3.005.278	1.024.026	1.011.501	0	475.747	274.627	106.936	105.017	2.997.854	99,8%
55	Trà Vinh	2.098.550	698.874	685.171	0	14.376	493.521	98.456	90.955	2.081.353	99,2%
56	Vĩnh Long	2.337.120	778.900	764.904	0	290.632	338.787	92.890	88.112	2.354.225	100,7%
57	Đồng Tháp	3.659.806	1.160.481	1.200.662	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.346.514	91,4%
58	Bình Dương	6.422.152	2.633.972	2.196.314	0	163.789	1.304.378	199.855	167.983	6.666.291	103,8%
59	Bình	2.267.174	753.459	723.118	0	221.711	262.527	109.584	100.949	2.171.348	95,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
	Phước										
60	Kiên Giang	3.790.150	1.238.102	1.174.115	68.630	0	485.416	167.347	159.082	3.292.692	86,9%
61	Cà Mau	2.492.410	819.787	809.044	0	436.097	125.606	112.601	111.924	2.415.059	96,9%
62	Bạc Liêu	1.624.224	568.642	560.669	0	180.821	218.944	88.828	86.206	1.704.110	104,9%
63	Hậu Giang	1.529.630	532.756	514.735	0	254.018	134.416	74.042	71.613	1.581.580	103,4%
Cộng miền Nam		82.169.708	29.274.936	27.369.973	397.693	5.466.772	12.923.853	3.343.396	3.141.749	81.918.372	99,7%

Ghi chú:

- 173.250 liều vắc xin Moderna đợt 134 và 286.518 liều vắc xin Pfizer đợt 135 có Quyết định phân bổ ngày 18/3/2022
- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 67.130 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.463.151 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 369.148 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 31/3/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	78,5%	100,0%	100,0%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	23,8%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	93,3%	96,2%	37,2%	100,0%	98,0%
4	Nam Định	1.159.000	159.266	99,2%	97,8%	77,7%	99,8%	98,5%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,7%	94,4%	46,5%	98,9%	95,8%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	100,0%	100,0%	47,5%	100,0%	97,2%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	67,1%	99,5%	98,7%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	84,4%	100,0%	99,6%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,2%	95,5%	45,6%	99,2%	94,7%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,3%	99,0%	41,0%	100,0%	98,3%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	98,0%	50,9%	100,0%	97,6%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,4%	95,6%	40,7%	99,8%	98,4%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
13	Hung Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	43,4%	98,0%	97,6%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,8%	33,4%	100,0%	100,2%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	100,1%	99,1%	50,1%	100,0%	97,8%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	99,3%	96,8%	88,3%	100,0%	99,5%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	97,7%	93,2%	32,7%	100,0%	98,7%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	93,1%	23,6%	98,8%	97,3%
20	Lai Châu	261.410	52.540	98,4%	94,5%	38,8%	100,0%	92,3%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	99,3%	85,1%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,0%	66,4%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	100,0%	97,5%	46,9%	99,2%	95,6%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,1%	90,2%	34,5%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,8%	42,1%	100,0%	96,2%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	33,5%	100,0%	95,3%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,0%	95,9%	50,8%	100,0%	93,1%
28	Điện Biên	339.186	67.539	99,5%	94,5%	27,4%	100,0%	94,5%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.786.256	100,0%	100,0%	54,7%	100,0%	98,1%
29	Quảng	541.719	79.538	99,4%	96,6%	35,3%	100,0%	93,1%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
	Bình							
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,5%	92,0%	49,6%	99,2%	91,8%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,4%	40,8%	100,0%	95,6%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,8%	96,8%	72,7%	99,9%	97,8%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	99,7%	96,0%	28,8%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	95,1%	57,2%	99,4%	96,9%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,2%	91,2%	33,0%	96,5%	95,1%
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,5%	92,3%	42,8%	100,0%	95,2%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	100,0%	37,1%	95,0%	90,0%
38	Ninh Thuận	409.689	57.230	100,0%	98,6%	42,8%	100,0%	100,0%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,4%	20,1%	100,0%	99,3%
	Cộng miền Trung	8.629.332	1.152.519	99,2%	95,9%	40,9%	99,1%	95,3%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,9%	94,6%	33,6%	97,1%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	96,9%	31,5%	100,0%	87,2%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,5%	94,9%	21,3%	95,9%	88,4%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,7%	34,3%	98,9%	95,5%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	481.800	100,0%	96,0%	27,7%	98,1%	89,4%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	97,9%	62,1%	87,7%	82,3%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,3%	67,5%	98,1%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	94,8%	25,7%	100,0%	94,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,4%	62,4%	99,0%	99,8%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	78,7%	100,0%	93,8%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,5%	26,1%	100,0%	91,2%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,8%	53,2%	100,0%	97,4%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,7%	99,6%	32,2%	97,9%	91,3%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%
53	An Giang	1.371.622	198.826	100,2%	98,9%	28,0%	100,0%	96,7%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,6%	97,4%	26,4%	100,0%	100,0%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	70,7%	100,0%	94,5%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,5%	44,1%	100,0%	96,1%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,4%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.066.553	180.024	100,0%	100,0%	63,1%	100,0%	93,3%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,3%	95,3%	34,6%	100,0%	94,3%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,6%	40,8%	96,8%	92,0%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	15,4%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	97,9%	38,2%	97,8%	94,9%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,4%	96,0%	25,1%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		27.828.051	3.406.718	100,0%	98,4%	46,4%	100,0%	92,2%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 31/3/2022 đến 16h00 ngày 01/4/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 4.370 lượt người (nhập cảnh: 1.965, xuất cảnh: 2.405).
- + Tuyến VN-TQ: 290 lượt người (nhập cảnh: 140, xuất cảnh: 150).
- + Tuyến VN-Lào: 1.994 lượt người (nhập cảnh 931, xuất cảnh: 1.063).
- + Tuyến VN-CPC: 2.086 lượt người (nhập cảnh 894; xuất cảnh: 1.192).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 1.180 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 1.029 người (VN-TQ: 06; VN-Lào: 123, VN-CPC: 900).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 99 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 0, VN-CPC: 99).
 - + Số người trao trả: 52 người (VN-TQ: 31; VN-Lào: 0, VN-CPC: 21).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 28/3/2022 tới ngày 29/3/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 2.757 lượt người (nhập cảnh: 1.899 lượt người; xuất cảnh: 858 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 4.849 lượt người (nhập cảnh: 2.157 lượt người; xuất cảnh: 2.692 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 01/4, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 26 tin/bài tiếng Việt; 30 ảnh trong nước và quốc tế; 22 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 03 đồ họa về tình hình dịch bệnh COVID-19 và kết quả tiêm vaccine phòng COVID-19 ở Việt Nam.

Thông tin của TTXVN tập trung thông tin về chỉ đạo của Bộ Y tế về phòng, chống dịch COVID-19; việc vaccine cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi.

TTXVN tiếp tục thông tin về vaccine và phương pháp điều trị như Cuba sẽ sớm cấp phép cho vaccine dạng xịt, thuốc Ivermectin không giúp bệnh nhân giảm nguy cơ nhập viện; các kết quả nghiên cứu quan trọng, trong đó có theo dõi biến thể mới XE, giới chuyên gia nhận định về nguy cơ tái nhiễm Omicron... và cập nhật thông tin về chủ đề sống chung an toàn với COVID-19 như du khách đến Thái Lan không cần làm xét nghiệm trước, Pakistan đóng cửa trung tâm ứng phó dịch, Myanmar mở cửa lại các trường đại học và cao đẳng, CDC Mỹ dỡ bỏ khuyến cáo về nguy cơ lây nhiễm trên du thuyền.

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 30/3, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.525.000 cuộc gọi (ngày 30/3 đã tiếp nhận và xử lý hơn 3 nghìn cuộc gọi).

20/3	21/3	22/3	23/3	24/3	25/3	26/3	27/3	28/3	29/3	30/3
4094	4337	3910	4140	4155	3589	3136	2447	3125	3235	3086

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 30/3/2022 đã tiếp nhận hơn 314 nghìn cuộc (ngày 30/3/2022 đã tiếp nhận 21 cuộc).

Tiêu chí	20/3	21/3	22/3	23/3	24/3	25/3	26/3	27/3	28/3	29/3	30/3
Cuộc gọi đến	23	26	29	32	36	31	23	22	29	27	21

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 42.793.227, chiếm 44,61% dân số, 64,17% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.784.543 điểm đăng ký

+ Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 273.818.799

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 206.106.897

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 193.487.172

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,88%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.622.662

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCĐ Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

- Tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương: hướng dẫn khai trực tuyến cho F0, chuẩn bị cho học sinh học trực tiếp trở lại...

- Tiếp tục hướng dẫn, khuyến cáo việc điều trị F0, cách sử dụng các loại thuốc an toàn; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

Trong văn bản mới nhất ban hành ngày 31/3, Bộ Y tế đã bổ sung liều tiêm 0,25ml đối với vắc-xin Moderna. Đồng thời, Bộ cũng bổ sung thêm một số nhà sản xuất, nước sản xuất vắc-xin này.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại một số địa phương:

- Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Sở Y tế cho biết, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người mắc COVID-19 không triệu chứng hoặc triệu chứng nhẹ nhưng chưa quen khai báo F0 trực tuyến, Ban Chỉ đạo phòng, chống COVID-19 thành phố cho phép F0 có thể khai báo trong vòng 5 ngày, kể từ ngày có kết quả xét nghiệm dương tính.

+ Sau 20 ngày triển khai thí điểm chuyển đổi số trong quản lý F0 tại nhà trên địa bàn Thành phố, có gần 84.800 lượt F0 khai báo trực tuyến thành công. Sở Y tế yêu cầu lãnh đạo các trung tâm y tế đẩy nhanh đăng ký chữ ký số để thuận lợi hơn trong cấp chứng nhận trực tuyến cho F0 đã hoàn thành thời gian cách ly tại nhà.

- Nam Định: Căn cứ tình hình dịch trên địa bàn có chuyển biến tốt, số ca mắc mới mỗi ngày giảm mạnh, tỉnh quyết định cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 6 trở lại trường từ ngày 04/4.

- Bà Rịa - Vũng Tàu: Đề nghị người dân tiếp tục ủng hộ công tác tiêm chủng vắc-xin mũi 3 của tỉnh theo tinh thần “Tiêm vắc-xin phòng COVID-19 là quyền lợi đối với cá nhân, là trách nhiệm đối với cộng đồng”; tuân thủ hướng dẫn điều trị của bác sĩ, cán bộ, nhân viên y tế điều trị COVID-19.

- Hà Nam: Các cơ sở giáo dục chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, điều chỉnh nội dung giảng dạy thực hiện dạy trực tiếp theo yêu cầu của ngành giáo dục; cập nhật thông tin liên quan đến sức khỏe của cán bộ, giáo viên, học sinh hằng ngày.